

BẢN SAO

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐÃ THU LỆ PHÍ
UBND PHƯỜNG LONG BÌNH TÂN
CHỨNG THỰC BẢN SAO NÀY ĐÚNG BẢN CHÍNH
Ngày: 16-11-2017
Số CT: 002712 SCT/BS



CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG
Hoàng Văn Chiện

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 27

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Đồng Nai, được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3602451527, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 24 tháng 1 năm 2011, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh.

Công ty có trụ sở chính tại số 1048A Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Minh Thu	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 9 tháng 11 năm 2015
Ông Lê Quốc Sử	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 9 tháng 11 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Lệ Hồng	Thành viên	
Ông Huỳnh Lê Đức	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hồng Đào	Thành viên	
Ông Nguyễn Trọng Đoàn	Thành viên	
Ông Alex Holroyd Smith	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2015
Ông Sean Teak Tan	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Phi Long	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	từ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2015
Ông Harindra Kumar	Thành viên	từ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trọng Hùng.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Minh Thu	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 9 tháng 11 năm 2015
Ông Lê Quốc Sử	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 9 tháng 11 năm 2015

Ông Nguyễn Trọng Hùng được Bà Phạm Thị Minh Thu ủy quyền để ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo Giấy Ủy quyền ngày 16 tháng 12 năm 2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của tôi, Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Trọng Hùng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60979646/18087398

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Building a better
working world**

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tuy không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.2 của báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính đính kèm đã được lập với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Như được trình bày trong báo cáo tài chính, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.928.310.138 VND và cũng vào ngày này, gánh chịu khoản lỗ lũy kế là 43.819.090.792 VND. Ngoài ra, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt hơn tài sản ngắn hạn với số tiền là 47.121.856.234 VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1

Nguyễn Thùy Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3213-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		23.474.241.771	22.322.104.402
110	I. Tiền	4	9.328.815.832	4.510.962.924
111	1. Tiền		9.328.815.832	4.510.962.924
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		9.529.222.811	10.967.303.196
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	6.686.871.488	9.624.752.594
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	1.734.399.046	794.991.350
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.303.785.092	547.559.252
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(195.832.815)	-
140	III. Hàng tồn kho	7	2.962.454.375	6.048.104.399
141	1. Hàng tồn kho		3.021.281.041	6.146.643.490
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(58.826.666)	(98.539.091)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.653.748.753	795.733.883
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	1.632.719.989	774.705.119
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	22.1	21.028.764	21.028.764
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		266.938.082.850	282.731.667.493
220	I. Tài sản cố định		262.241.055.869	274.688.223.646
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	250.218.265.365	262.342.249.832
222	Nguyên giá		292.500.125.532	288.954.215.811
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(42.281.860.167)	(26.611.965.979)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	12.022.790.504	12.345.973.814
228	Nguyên giá		13.331.282.052	13.331.282.052
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.308.491.548)	(985.308.238)
260	II. Tài sản dài hạn khác		4.697.026.981	8.043.443.847
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	4.697.026.981	8.043.443.847
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		290.412.324.621	305.053.771.895

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		193.231.415.413	221.694.552.549
310	I. Nợ ngắn hạn		70.596.098.005	78.019.033.901
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	19.568.293.159	25.010.597.676
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		290.200.000	3.376.022.058
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	277.843.679	254.077.302
314	4. Phải trả người lao động		3.402.535.696	2.685.654.764
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	2.926.499.611	3.738.840.243
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	1.086.556.495	388.490.114
320	7. Vay ngắn hạn	15	43.044.169.365	42.565.351.744
330	II. Nợ dài hạn		122.635.317.408	143.675.518.648
338	1. Vay dài hạn	15	122.635.317.408	143.675.518.648
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		97.180.909.208	83.359.219.346
410	I. Vốn chủ sở hữu	16.1	97.180.909.208	83.359.219.346
411	1. Vốn cổ phần		122.000.000.000	120.500.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		122.000.000.000	120.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		19.000.000.000	4.750.000.000
421	3. Lỗ lũy kế		(43.819.090.792)	(41.890.780.654)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(41.890.780.654)	(31.019.536.666)
421b	- Lỗ lũy kế năm nay		(1.928.310.138)	(10.871.243.988)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		290.412.324.621	305.053.771.895

Trần Quốc Thịnh
Người lập

Huỳnh Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Hùng
Tổng Giám đốc

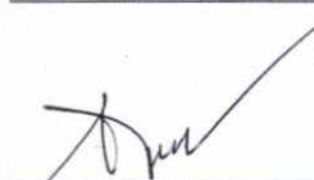


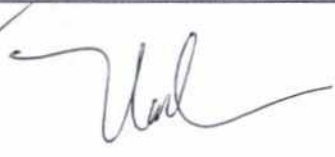
Ngày 28 tháng 3 năm 2016

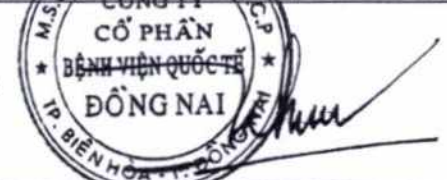
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	139.606.252.523	130.097.062.329
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	(794.658.264)	(105.219.627)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	138.811.594.259	129.991.842.702
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18, 20	(108.240.136.849)	(105.607.087.365)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		30.571.457.410	24.384.755.337
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		24.925.235	35.295.748
22	7. Chi phí tài chính		(15.885.109.659)	(20.571.640.380)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(15.885.109.659)	(20.571.640.380)
25	8. Chi phí bán hàng	19, 20	(3.776.717.730)	(2.856.444.887)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19, 20	(16.446.012.707)	(13.421.373.903)
30	10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.511.457.451)	(12.429.408.085)
31	11. Thu nhập khác	21	4.153.384.796	2.148.807.520
32	12. Chi phí khác	21	(570.237.483)	(590.643.423)
40	13. Lợi nhuận khác	21	3.583.147.313	1.558.164.097
50	14. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(1.928.310.138)	(10.871.243.988)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	-	-
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(1.928.310.138)	(10.871.243.988)


Trần Quốc Thịnh
Người lập


Huỳnh Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng


Nguyễn Trọng Hùng
Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lỗ trước thuế		(1.928.310.138)	(10.871.243.988)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản	8, 9	16.030.477.498	15.807.870.931
03	Các khoản dự phòng		156.120.390	98.539.091
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.800.000)	(35.295.748)
06	Chi phí lãi vay		15.885.109.659	20.571.640.380
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		30.141.597.409	25.571.510.666
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		1.242.247.570	(900.651.500)
10	Giảm hàng tồn kho		3.125.362.449	498.999.095
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(2.468.100.675)	8.624.802.288
12	Giảm chi phí trả trước		2.488.401.996	3.793.082.160
13	Tiền lãi vay đã trả		(16.827.521.127)	(20.369.966.769)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	22.1	-	(21.028.764)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		17.701.987.622	17.196.747.176
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(8.142.751.095)	(13.948.365.106)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		70.000.000	-
27	Thu lãi tiền gửi		-	35.295.748
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(8.072.751.095)	(13.913.069.358)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	16.1	15.750.000.000	5.250.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		158.135.708.345	52.893.402.130
34	Tiền trả nợ gốc vay		(178.697.091.964)	(59.610.604.533)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(4.811.383.619)	(1.467.202.403)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		4.817.852.908	1.816.475.415
60	Tiền đầu năm		4.510.962.924	2.694.487.509
70	Tiền cuối năm	4	9.328.815.832	4.510.962.924

Trần Quốc Thịnh
Người lập

Huỳnh Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Đồng Nai, được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3602451527, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu vào ngày 24 tháng 1 năm 2011, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh.

Công ty có trụ sở chính tại số 1048A Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 345 người (31 tháng 12 năm 2014: 319 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính đã được lập với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Như được trình bày trong báo cáo tài chính, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.928.310.138 VND và cũng tại ngày này, gánh chịu khoản lỗ lũy kế là 43.819.090.792 VND. Ngoài ra, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt hơn tài sản ngắn hạn với số tiền là 47.121.856.234 VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty nếu không nhận được sự hỗ trợ liên tục về mặt tài chính từ chủ sở hữu. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Y Khoa Hoàn Mỹ, công ty mẹ của Công ty, đã cam kết có đủ khả năng và sẽ tiếp tục hỗ trợ về mặt tài chính để Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hoạt động liên tục (tiếp theo)

Vì vậy, báo cáo tài chính không bao gồm các bút toán điều chỉnh liên quan đến khả năng thu hồi và việc phân loại các khoản mục tài sản đã hạch toán hoặc các khoản mục và việc phân loại các khoản mục công nợ có thể cần thiết trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Giả định này được lập trên cơ sở dự đoán các sự kiện diễn ra trong tương lai và kết quả của các sự kiện này có thể không chắc chắn.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200").

Thông tư 200 thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 24.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, bao gồm hàng hóa và vật tư y tế, với giá trị được xác định theo chi phí mua thực tế theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và vật tư y tế thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình dựa trên Điều 4 của GCNĐKKD quy định giá trị quyền sử dụng đất là phần vốn góp của cổ đông của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 47 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	47 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê phát sinh từ hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	55.577.180	39.456.991
Tiền gửi ngân hàng	9.273.238.652	4.471.505.933
TỔNG CỘNG	9.328.815.832	4.510.962.924

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên khác	6.607.569.628	9.604.752.594
- Công ty Bảo hiểm Dầu khí – Chi nhánh Hà Nội	1.030.142.871	2.288.473.080
- Bảo hiểm Xã hội Thành phố Biên Hòa	1.124.177.020	3.854.990.242
- Khách hàng khác	4.453.249.737	3.461.289.272
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 23)	79.301.860	20.000.000
TỔNG CỘNG	6.686.871.488	9.624.752.594
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(195.832.815)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	6.491.038.673	9.624.752.594

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Công Nghệ Hiệp Phát	1.353.426.800	-
Công ty Cổ phần Kiến Trúc Xây Dựng Kiến Xinh	-	150.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế VIMEC	-	171.000.000
Khác	380.972.246	473.991.350
TỔNG CỘNG	1.734.399.046	794.991.350

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay không có lãi	300.000.000	300.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	217.244.967	187.492.381
Phải thu bảo hiểm xã hội	268.844.804	-
Phải thu khác	517.695.321	60.066.871
TỔNG CỘNG	1.303.785.092	547.559.252

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vật tư y tế	2.891.487.530	3.506.886.654
Hàng hóa	129.793.511	2.639.756.836
TỔNG CỘNG	3.021.281.041	6.146.643.490
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(58.826.666)	(98.539.091)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.962.454.375	6.048.104.399

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	98.539.091	-
Dự phòng trích lập trong năm	40.893.657	98.539.091
Sử dụng dự phòng trong năm	(80.606.082)	-
Số cuối năm	58.826.666	98.539.091

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	214.957.043.426	61.325.512.392	3.135.722.680	9.535.937.313	288.954.215.811
Mua mới trong năm	60.000.000	3.392.994.421	60.000.000	138.515.300	3.651.509.721
Thanh lý	-	(52.800.000)	-	(52.800.000)	(105.600.000)
Phân loại lại	7.835.120.000	(1.558.794.887)	(98.800.680)	(6.177.524.433)	-
Số cuối năm	222.852.163.426	63.106.911.926	3.096.922.000	3.444.128.180	292.500.125.532
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	10.287.938.534	11.290.222.136	323.452.356	4.710.352.953	26.611.965.979
Khấu hao trong năm	7.698.929.513	6.973.099.530	312.025.555	723.239.590	15.707.294.188
Thanh lý	-	(29.700.000)	-	(7.700.000)	(37.400.000)
Phân loại lại	3.470.334.916	(31.180.520)	233.316.714	(3.672.471.110)	-
Số cuối năm	21.457.202.963	18.202.441.146	868.794.625	1.753.421.433	42.281.860.167
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	204.669.104.892	50.035.290.256	2.812.270.324	4.825.584.360	262.342.249.832
Số cuối năm	201.394.960.463	44.904.470.780	2.228.127.375	1.690.706.747	250.218.265.365
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 15)	175.503.007.675	40.901.363.410	28.287.866	162.041.051	216.594.700.002

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm và cuối năm	13.231.282.052	100.000.000	13.331.282.052
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	985.308.238	-	985.308.238
Hao mòn trong năm	281.516.640	41.666.670	323.183.310
Số cuối năm	1.266.824.878	41.666.670	1.308.491.548
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	12.245.973.814	100.000.000	12.345.973.814
Số cuối năm	11.964.457.174	58.333.330	12.022.790.504
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp</i>			
<i>(Thuyết minh số 15)</i>	11.964.457.174	-	11.964.457.174

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

		VND
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn	1.632.719.989	774.705.119
Công cụ và dụng cụ	1.382.176.495	639.035.521
Chi phí bảo hiểm	250.543.494	135.669.598
Dài hạn	4.697.026.981	8.043.443.847
Công cụ và dụng cụ	4.697.026.981	8.043.443.847
TỔNG CỘNG	6.329.746.970	8.818.148.966

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho bên khác	19.431.563.763	25.010.597.676
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 23</i>)	136.729.396	-
TỔNG CỘNG	19.568.293.159	25.010.597.676

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	148.103.938	1.845.759.550	(1.816.601.996)	177.261.492
Thuế giá trị gia tăng	105.973.364	470.242.858	(475.634.035)	100.582.187
TỔNG CỘNG	254.077.302	2.316.002.408	(2.292.236.031)	277.843.679

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thưởng nhân viên	1.256.464.048	857.361.000
Chi phí lãi vay	713.379.865	2.104.089.944
Chi phí xây dựng	445.512.800	553.052.800
Khác	511.142.898	224.336.499
TỔNG CỘNG	2.926.499.611	3.738.840.243

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 23)	693.118.026	245.027.750
Phải trả bên khác	393.438.469	143.462.364
TỔNG CỘNG	1.086.556.495	388.490.114

15. VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	43.044.169.365	42.565.351.744
Từ ngân hàng (Thuyết minh số 15.1)	13.313.769.365	13.425.351.744
Từ bên liên quan (Thuyết minh số 23)	-	2.500.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 15.2)	29.730.400.000	8.064.000.000
Vay dài hạn từ đối tượng khác	-	18.576.000.000
Vay dài hạn	122.635.317.408	143.675.518.648
Từ ngân hàng (Thuyết minh số 15.2)	122.635.317.408	32.251.518.648
Từ đối tượng khác	-	111.424.000.000
TỔNG CỘNG	165.679.486.773	186.240.870.392

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	VND	
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Số đầu năm	42.565.351.744	143.675.518.648
Tiền thu từ đi vay	27.188.309.585	130.947.398.760
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	29.730.400.000	(29.730.400.000)
Tiền chi trả nợ gốc vay	(56.439.891.964)	(122.257.200.000)
Số cuối năm	43.044.169.365	122.635.317.408

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY (tiếp theo)

15.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Thời gian đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		%/năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Định	13.313.769.365	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2016 đến ngày 7 tháng 6 năm 2016	Lãi suất cố định (7.5%/năm)	Quyền sử dụng đất tại Quận Tân Mai, Thành phố Biên Hòa với diện tích 9.127,9 m ² và tài sản gắn liền với đất có tổng giá trị là 296 tỷ VND (Thuyết minh số 8 và 9)

15.2 Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Thời gian đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		%/năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Định	120.114.198.760	Hoàn trả hàng quý từ ngày 5 tháng 7 năm 2015 đến ngày 30 tháng 3 năm 2021	Lãi tiền gửi kỳ hạn 12 tháng +1,9%/năm và có thể được thay đổi mỗi 3 tháng (12 tháng đầu lãi suất 8,1%)	Quyền sử dụng đất tại Quận Tân Mai, Thành phố Biên Hòa với diện tích 9.127,9 m ² và tài sản gắn liền với đất có tổng giá trị là 296 tỷ VND (Thuyết minh số 8 và 9)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	32.251.518.648	Hoàn trả trong 20 quý đến tháng 12 năm 2019	Lãi suất thả nổi	Máy móc và thiết bị với tổng giá trị 34.836.632.937 VND (Thuyết minh số 8)

TỔNG CỘNG

152.365.717.408

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả

29.730.400.000

Vay dài hạn

122.635.317.408

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lỗ lũy kế	Tổng cộng
VND				
Năm trước:				
Số đầu năm	120.000.000.000	-	(31.019.536.666)	88.980.463.334
Tăng vốn	500.000.000	4.750.000.000	-	5.250.000.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	(10.871.243.988)	(10.871.243.988)
Số cuối năm	120.500.000.000	4.750.000.000	(41.890.780.654)	83.359.219.346
Năm nay:				
Số đầu năm	120.500.000.000	4.750.000.000	(41.890.780.654)	83.359.219.346
Tăng vốn (*)	1.500.000.000	14.250.000.000	-	15.750.000.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	(1.928.310.138)	(1.928.310.138)
Số cuối năm	122.000.000.000	19.000.000.000	(43.819.090.792)	97.180.909.208

(*) Trong năm, Công ty đã phát hành mới 150.000 cổ phiếu thường cho cổ đông lớn, Công ty Cổ phần Y khoa Hoàn Mỹ, theo hợp đồng đăng ký mua cổ phần ngày 15 tháng 4 năm 2014 và Phụ lục ngày 29 tháng 10 năm 2014.

Việc phát hành đã được hoàn thành vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 với tổng số cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông lớn là 150.000 cổ phiếu với mức giá phát hành là 105.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 120.500.000.000 VND lên 122.000.000.000 VND. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đang trong quá trình hoàn tất thủ tục để nhận GCNĐKKD điều chỉnh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị VND'000	Cổ phần	% sở hữu	Giá trị VND'000	Cổ phần	% sở hữu
Công ty Cổ phần Y khoa Hoàn Mỹ	86.000.000	8.600.000	70.49	84.500.000	8.450.000	70.12
Ông Nguyễn Trọng Hùng	18.000.000	1.800.000	14.75	18.000.000	1.800.000	14.94
Ông Nguyễn Trọng Đoàn	7.200.000	720.000	5.90	7.200.000	720.000	5.98
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	5.400.000	540.000	4.43	5.400.000	540.000	4.48
Các cổ đông khác	5.400.000	540.000	4.43	5.400.000	540.000	4.48
TỔNG CỘNG	122.000.000	12.200.000	100	120.500.000	12.050.000	100

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (31 tháng 12 năm 2014: 10.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	139.606.252.523	130.097.062.329
Trong đó:		
Doanh thu từ khám chữa bệnh	134.693.447.517	113.968.190.930
Doanh thu từ bán dược phẩm	4.912.805.006	16.128.871.399
Các khoản giảm trừ:	(794.658.264)	(105.219.627)
Chiết khấu thương mại	(386.243.051)	-
Giảm giá hàng bán	(373.924.140)	-
Hàng bán bị trả lại	(34.491.073)	(105.219.627)
DOANH THU THUẦN	138.811.594.259	129.991.842.702
Trong đó:		
Doanh thu từ khám chữa bệnh	133.912.418.593	113.862.971.303
Doanh thu từ bán dược phẩm	4.899.175.666	16.128.871.399

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ khám chữa bệnh	104.097.417.624	90.633.701.299
Giá vốn dược phẩm	4.142.719.225	14.973.386.066
TỔNG CỘNG	108.240.136.849	105.607.087.365

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	3.776.717.730	2.856.444.887
Hoa hồng môi giới	1.264.849.552	760.500.599
Chi phí quảng cáo	884.573.154	224.929.000
Chi phí lương	831.382.175	1.362.435.104
Chi phí khác	795.912.849	508.580.184
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.446.012.707	13.421.373.903
Chi phí lương	13.458.665.441	8.373.470.980
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.706.935.547	1.897.800.355
Chi phí khác	1.280.411.719	3.150.102.568
TỔNG CỘNG	20.222.730.437	16.277.818.790

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		VND
	Năm nay	Năm trước
Vật tư y tế và hàng hóa	49.313.355.804	48.199.718.016
Chi phí nhân công	47.203.324.746	39.804.522.767
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 8 và 9)	16.030.477.498	15.807.870.931
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.282.356.669	8.704.387.973
Chi phí khác	3.633.352.569	9.368.406.468
TỔNG CỘNG	128.462.867.286	121.884.906.155

21. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

		VND
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	4.153.384.796	2.148.807.520
Thu nhập từ hoạt động cho thuê	3.273.407.347	743.804.402
Thu nhập từ nhận tài trợ	443.752.020	670.780.208
Khác	436.225.429	734.222.910
Chi phí khác	(570.237.483)	(590.643.423)
Chi phí của hoạt động cho thuê	(213.564.019)	(555.594.454)
Khác	(356.673.464)	(35.048.969)
LỢI NHUẬN KHÁC	3.583.147.313	1.558.164.097

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất bằng 10% thu nhập chịu thuế phát sinh từ hoạt động chính và với mức thuế suất phổ thông hiện hành tương ứng trên thu nhập chịu thuế phát sinh từ các hoạt động khác.

Do Công ty bị lỗi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 nên Công ty không trích lập thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.1 Lỗi thuế

Lỗi thuế của Công ty khác với lỗi trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì lỗi thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Dưới đây là bảng đối chiếu giữa lỗi trước thuế và lỗi thuế phát sinh trong năm:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗi trước thuế	(1.928.310.138)	(10.871.243.988)
<i>Điều chỉnh</i>		
Chi phí không được trừ	292.829.889	2.221.348.779
Thay đổi dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	98.539.091
Lỗi thuế ước tính	(1.635.480.249)	(8.551.356.118)
Chi phí thuế TNDN ước tính	-	-
Thuế TNDN trả đầu năm	(21.028.764)	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	(21.028.764)
Thuế TNDN trả trước cuối năm	(21.028.764)	(21.028.764)

22.2 Lỗi chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗi thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 40.473.805.331 VND (31 tháng 12 năm 2014: 38.838.325.082 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND					
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2015	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2015
2012	2017	25.784.605	-	-	25.784.605
2013	2018	30.261.184.359	-	-	30.261.184.359
2014	2019	8.551.356.118	-	-	8.551.356.118
2015	2020	1.635.480.249	-	-	1.635.480.249
TỔNG CỘNG		40.473.805.331	-	-	40.473.805.331

(*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy thuế trị giá 40.473.805.331 VND do Công ty không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tập đoàn Y khoa Hoàn Mỹ	Công ty mẹ	Góp vốn	15.750.000.000	5.250.000.000
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Cổ đông	Cung cấp dịch vụ	1.402.795.000	1.324.840.000
		Nhận nợ vay	-	12.000.000.000
		Trả nợ vay	-	12.000.000.000
		Lãi vay	-	1.079.999.998
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn	Bên liên quan	Nhận dịch vụ	464.926.143	-
		Nhận nợ vay	-	10.000.000.000
		Trả nợ vay	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Mỹ Đà Nẵng	Bên liên quan	Mua tài sản cố định	60.000.000	-
Ông Nguyễn Trọng Hùng	Tổng Giám đốc	Nhận nợ vay	-	2.000.000.000
		Trả nợ vay	-	2.000.000.000
		Lãi vay	-	151.916.675
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Cơ sở Hạ Tầng Phú Thọ	Bên liên quan	Chi hộ	-	292.395.833
		Lãi vay	71.875.000	351.911.391

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan được thể hiện như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	59.301.860	-
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Cổ đông	Cung cấp dịch vụ	20.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Cơ sở Hạ Tầng Phú Thọ	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	-	20.000.000
			79.301.860	20.000.000

Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11)

Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	136.729.396	-
---	---------------	-----------------	-------------	---

Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 14)

Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Cơ sở Hạ Tầng Phú Thọ	Bên liên quan	Lãi vay và khoản phải trả khác	493.118.026	45.027.750
Tập đoàn Y khoa Hoàn Mỹ	Công ty mẹ	Phải trả khác	200.000.000	200.000.000
			693.118.026	245.027.750

Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 15)

Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Cơ sở Hạ Tầng Phú Thọ	Bên liên quan	Vay ngắn hạn	-	2.500.000.000
---	---------------	--------------	---	---------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

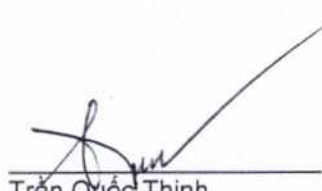
24. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính năm nay. Chi tiết như sau:

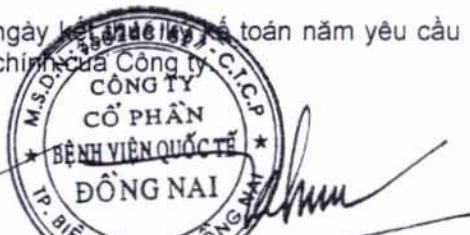
	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của phân loại lại	Số đầu năm (được trình bày lại)
			VND
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Phải thu ngắn hạn khác	300.066.871	247.492.381	547.559.252
Tài sản ngắn hạn khác	247.492.381	(247.492.381)	-

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.


Trần Quốc Thịnh
Người lập


Huỳnh Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng


Nguyễn Trọng Hùng
Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 3 năm 2016